

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2018/HS-ST**
Ngày: 15-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bảy;

Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Th Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Công C, sinh năm: 1994 tại tỉnh Hà Nam

Hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công P và bà Đỗ Thị Ph; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2018 đến ngày 15/8/2018 thì tại ngoại cho đến nay (*có mặt*)

- Người bị hại: Anh Trần Kim S, sinh năm: 1991

Cư trú tại: Thôn 8, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước (*có mặt*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành G, sinh năm: 1978

Cư trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 04/7/2017, Nguyễn Công C cùng với Trần Kim S, Lý Thế V và Th (không rõ nhân thân lai lịch) cùng tổ chức uống bia tại nhà của Trần Văn S tại thôn 8, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày Trần Kim S mệt nên đi vào phòng ngủ, còn Nguyễn Công C, Th và Lý Thế V ngồi uống tiếp. Khoảng 15 phút sau, tất cả ngừng uống. Nguyễn Công C đi vào phòng ngủ của Trần Kim S thì phát hiện trên giường cạnh nơi Trần Kim S nằm ngủ có 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng nên nảy sinh ý định trộm cắp. Nguyễn Công C đi đến cầm điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài sân điều khiển xe mô tô biển số 93L1 – 155.02 của anh Trần Kim S chạy sang nhà của V1 rồi chở V1 ra chợ B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước để uống rượu tiếp với V, L, Th. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày Nguyễn Công C đem xe mô tô của anh Trần Kim S gửi tại nhà của V1. Sau đó, Nguyễn Công C mượn xe mô tô của Lý Thế V đi đến tiệm cầm đồ T thuộc thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại đây, Nguyễn Công C tháo sim điện thoại của anh Trần Kim S lắp vào điện thoại của mình rồi đem cầm cố điện thoại của anh Trần Kim S cho anh Nguyễn Thành G (là chủ tiệm cầm đồ) được 3.000.000đ. Sau đó, Nguyễn Công C đem xe mô tô trả lại cho Lý Thế V rồi đón xe khách xuống thị xã Đ, tỉnh Bình Phước chơi và tiêu xài hết số tiền trên. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh Trần Kim S tỉnh dậy phát hiện điện thoại di động của mình bị mất nên mượn điện thoại của bạn gọi vào số điện thoại của mình thì gặp Nguyễn Công C. Nguyễn Công C thừa nhận đã lấy điện thoại và hẹn hôm sau mang trả, còn xe mô tô Nguyễn Công C nói gửi tại nhà của V1 và nói anh Trần Kim S ra lấy. Khoảng 05 ngày sau, không thấy Nguyễn Công C trả lại điện thoại nên anh Trần Kim S đi tìm gặp thì Nguyễn Công C đưa cho anh Trần Kim S “giấy biên nhận cầm đồ” và sim điện thoại, đồng thời Nguyễn Công C hứa sẽ chuộc điện thoại cho anh Trần Kim S. Tuy nhiên, do Nguyễn Công C không trả điện thoại mà bỏ đi khỏi địa phương nên ngày 27/7/2018 anh Trần Kim S đã làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Công C đến cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-ĐG ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng có giá 4.830.000đ.

Bị cáo Nguyễn Công C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố tại bản cáo trạng số 66/CTr – VKS ngày 15/9/2018 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Công C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Công C từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh bị cáo Nguyễn Công C khó khăn nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng, sau khi hết thời hạn

cầm cổ anh Nguyễn Thành G đã bán cho người khác không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B nêu trên.

Bị cáo Nguyễn Công C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Nguyễn Công C thừa nhận đã được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng và không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại Trần Kim S xác nhận không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa người bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về mặt dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không yêu cầu giải quyết; Về vật chứng: Bị hại nhận được tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì về vật chứng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Công C: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Công C thừa nhận: Vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 04/7/2017 tại nhà anh Trần Kim S thuộc thôn 8, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước, Nguyễn Công C lợi dụng sơ hở của anh Trần Kim S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng của anh Trần Kim S. Sau đó, Nguyễn Công C cầm cổ điện thoại của anh Trần Kim S cho anh Nguyễn Thành G (là chủ tiệm cầm đồ) được 3.000.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-ĐG ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng có giá 4.830.000đ.

Bị cáo Nguyễn Công C thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức, điều khiển được hành vi của mình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Công C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Công C là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Ngoài ra, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đề nghị áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo khi quyết định hình phạt: Xét bị cáo Nguyễn Công C đã có thời gian phục vụ tại quân đội, bản thân có một thời gian làm Công an viên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi gây ảnh hưởng đến uy tín của công an nhân dân trong công tác điều tra và phòng, chống tội phạm nên đề xuất về khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Công C của Viện kiểm sát nhân dân không tương xứng với hành vi, tính chất và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Công C có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu tiên phạm tội, không có tiền án, tiền sự nên đề xuất của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 khi xem xét quyết định hình phạt là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Công C.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Công C đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Trần Kim S với số tiền là 7.000.000đ.

Tại phiên tòa người bị hại anh Trần Kim S không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng, sau khi hết thời hạn cầm cố anh G đã bán cho người khác không thu hồi được; anh Trần Kim S không có yêu cầu gì về vật chứng nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B không đề cập xử lý là có cơ sở.

[7] - Đối với hành vi của Nguyễn Công C lấy chiếc xe mô tô biển số 93L1 – 155.02 của anh Trần Kim S không có ý định chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, chiếc xe này anh Trần Kim S đã nhận lại chiếc xe mô tô này nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B không đề cập xử lý là có cơ sở;

- Anh Lý Thế V cho Nguyễn Công C mượn xe mô tô để Nguyễn Công C đi cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu trắng. Tuy nhiên, anh Lý Thế V không biết việc Nguyễn Công C chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Trần Kim S, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Anh Nguyễn Thành G là người cầm cố điện thoại cho Nguyễn Công C. Tuy nhiên, anh Nguyễn Thành G không biết chiếc điện thoại di động là do Nguyễn Công C chiếm đoạt mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B không đề cập xử lý là có cơ sở.

[8] Về án phí: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 quy định: “Người bị kết án phải chịu án phí theo quyết định của Tòa án”. Do đó, bị cáo Nguyễn Công C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 299; Điều 331; Điều 333; Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công C phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công C 01 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công C nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04-10-2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Sở tư pháp t. Bình Phước
- Công an t. Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh